

Bản án số: 46/2019/HS-PT

Ngày 31 - 5 - 2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK NÔNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lương Đức Dương

Các Thẩm phán: Ông Đỗ Đồng Chung và ông Lê Quốc Hương

- Thư ký phiên tòa: Ông Điều Phi Ôn là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông tham gia phiên tòa:

Ông Trần Duy Hải - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 5 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 33/2019/TLPT-HS ngày 08 tháng 3 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 38/2019/QĐXXPT-HS ngày 24 tháng 4 năm 2019; Quyết định hoãn phiên tòa số 16/2019/HSPT-QĐ ngày 08 tháng 5 năm 2019 đối với bị cáo: Đào Văn T do có kháng cáo của bị cáo, các bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đối với bản án hình sự sơ thẩm số: 08/2019/HS-ST ngày 25-01-2019 của Tòa án nhân dân huyện Đắk Song.

Bị cáo có kháng cáo, bị kháng cáo: **Đào Văn T**, sinh năm 1995 tại tỉnh Nghệ An; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Xóm V, xã V, huyện Y, tỉnh Nghệ An; tạm trú: Thôn Z, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; giới tính: nam; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đào Văn K và bà Nguyễn Thị H; bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 30-6-2018 đến ngày 27-9-2018, tại ngoại - Có mặt.

Bị hại:

- Anh Lê Văn H; địa chỉ: Thôn X, xã N, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông - Vắng mặt.

- Chị Tôn Thị Thu H; địa chỉ: Thôn B, xã N, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông - Có mặt.

- Anh Hoàng Thanh M; địa chỉ: Thôn B, xã N, huyện N, tỉnh Đắk Nông -

Có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Anh Đinh Bạt H; địa chỉ: Thôn Đ, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông - Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các bị hại Tôn Thị Thu H và Hoàng Thanh M: Ông Lương Minh Khang, Luật sư Văn phòng luật sư Khang

Huy thuộc Đoàn luật sư tỉnh Đắk Nông; địa chỉ: Tổ W, phường N, thị xã G, tỉnh Đắk Nông - Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, vụ án được tóm tắt như sau:

Tháng 9-2017, Đào Văn T từ tỉnh Nghệ An vào sinh sống và làm thuê tại xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông. Khoảng 07 giờ ngày 26-01-2018, T đến khu liên hợp thể thao của công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên xây dựng và thương mại D (viết tắt là Công ty D) tọa lạc tại thôn K, xã Đ, huyện Đ chơi thì thấy xe ô tô tải (loại xe ben chở đất), biển kiểm soát 47P-0188 của anh Đinh Bạt H đang đậu tại đây. Do tò mò, T mở cửa xe để xem thì thấy chìa khóa xe đang cắm ở ổ khóa điện, tuy không có giấy phép lái xe tương ứng nhưng muốn lái thử xe chạy ra khu vực do Công ty D đang đổ đá gần cầu thôn V, xã Đ, huyện Đ. Lúc này, Hoàng Tuấn A thấy T ngồi trong ca bin xe nghĩ T được phép lái xe nên cũng lên ngồi bên ghế phụ để đi nhờ ra bãi đất đang mức. Sau đó, T khởi động máy điều khiển xe ô tô chạy từ xã Đ về hướng thị trấn Đ, huyện Đ. Khi điều khiển xe đi đến đoạn đường xuống dốc thuộc tỉnh lộ 6, đoạn đi qua bon P, xã Đ, T phát hiện xe bị mất phanh nên nói với Hoàng Tuấn A “xe mất phanh anh ạ!”. Lúc này đi phía trước cùng chiều có xe mô tô biển kiểm soát 49E1-039.85 do anh Hoàng Thanh M điều khiển chở vợ là chị Tôn Thị Thu H ngồi phía sau. Lúc này, T đánh lái cho xe chạy sang bên trái thì bất ngờ phần đầu bên phải xe ô tô va chạm vào phía sau của xe mô tô làm anh M, chị Tôn Thị Thu H ngã ra đường, kéo theo xe mô tô dưới gầm. Sau đó, xe ô tô tiếp tục chạy sang phần đường ngược chiều thì va quệt với phần moóc bên trái của chiếc xe máy kéo (không có biển kiểm soát) do anh Y C điều khiển đang đi ngược chiều tới (chiếc xe này thuộc sở hữu của anh Phan Văn H), anh Y C nhảy ra khỏi xe, xe máy kéo chạy tiếp một đoạn thì dừng lại. Lúc này, xe ô tô do T điều khiển tiếp tục lao về phía trước và tông ngang vào xe cày hiệu Land Lead, không có biển kiểm soát do anh Lê Văn H điều khiển cùng chiều làm xe lật úp xuống đường, anh Lê Văn H bị văng ra giữa đường. Sau đó, xe ô tô kéo theo xe mô tô, đẩy xe máy cày về phía trước rồi lao sang bên trái đường thêm 20m thì dừng lại. Hậu quả làm anh Hoàng Thanh M, chị Tôn Thị Thu H và anh Lê Văn H bị thương nặng; hư hỏng 01 xe mô tô biển kiểm soát 49E1-039.85, 01 xe máy kéo của anh Phan Văn H và 01 xe cày hiệu Land Lead của anh Lê Văn H.

Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số: 186, 187 và 188/TgT ngày 29-5-2018 của Trung tâm Pháp y thuộc Sở Y tế tỉnh Đ kết luận: Anh Lê Văn H bị sẹo vết thương phần mềm, số lượng ít, kích thước lớn, tỉ lệ tổn thương cơ thể là 10% sức khỏe; anh Hoàng Thanh M bị tổn thương tủy thất lưng toàn bộ kiểu khoanh đoạn gây liệt hai chi dưới, tỉ lệ tổn thương cơ thể là 96% sức khỏe; chị Tôn Thị Thu H bị gãy ngành ngang xương mu hai bên, tỉ lệ tổn thương cơ thể

là 20% sức khỏe, gãy ụ ngồi hai bên, tỉ lệ tổn thương cơ thể 16% sức khỏe, nứt ổ cối hai bên (ổ chảo), tỉ lệ tổn thương cơ thể là 7,87% sức khỏe, gãy xương bả vai phải, tỉ lệ tổn thương cơ thể là 3,56% sức khỏe, sẹo vết thương phần mềm, số lượng ít, kích thước trung bình và nhỏ, ảnh hưởng thẩm mỹ, tỉ lệ tổn thương cơ thể là 2,87%, tổng tỉ lệ thương tật của chị Tôn Thị Thu H là 61,82% sức khỏe, làm tròn là 62%.

Biên bản giám định an toàn kỹ thuật số:1079/SGTVT-VT ngày 29-5-2018 của Sở Giao thông vận tải tỉnh Đ kết luận: Xe ô tô biển kiểm soát 47P-0188 (loại phương tiện ô tô tải tự đổ), hiệu Hyundai, số khung: KMCDB18YPKU002685, số động cơ: D8AYK029294, sản xuất năm 1989, nơi sản xuất: Hàn Quốc đã hết niên hạn sử dụng từ năm 2014 và không được phép sử dụng để tham gia giao thông.

Biên bản định giá tài sản số: 36/HD-ĐG ngày 06-9-2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Đ kết luận: Giá trị thiệt hại tại thời điểm ngày 26-01-2018 đối với xe mô tô hiệu Honda biển kiểm soát 49E1-039.85 là 18.000.000 đồng; giá trị thiệt hại của một số bộ phận của xe cày không biển kiểm soát là 100.000 đồng; giá trị thiệt hại của một số bộ phận của 01 xe cày hiệu Land Lead là 81.500.000 đồng. Tổng giá trị thiệt hại về tài sản là 99.600.000 đồng. Đối với chiếc xe ô tô biển kiểm soát 47P-0188, anh Đinh Bạt H đã có đơn từ chối yêu cầu định giá tài sản.

Bản án hình sự sơ thẩm số: 08/2019/HS-ST ngày 25-01-2019 của Tòa án nhân dân huyện Đăk Song đã quyết định: Tuyên bố bị cáo Đào Văn T “*Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ*”. Áp dụng các điểm a, e khoản 2 Điều 260; các điểm b, s khoản 1 khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Đào Văn T 04 năm tù.

Về bồi thường thiệt hại: Buộc bị cáo Đào Văn T và anh Đinh Bạt H phải liên đơn bồi thường thiệt hại cho các bị hại, cụ thể:

- Đối với anh Lê Văn H tổng số tiền 132.001.000 đồng, theo phần bị cáo và anh Đinh Bạt H mỗi người phải bồi thường 66.000.500 đồng, bao gồm các khoản tiền sau: Viện phí, thuốc men: 27.881.000 đồng; tàu xe đi lại thăm khám và chi phí ăn uống: 9.670.000 đồng; sửa chữa xe cày: 81.000.000 đồng; mất thu nhập là 6.900.000 đồng; tổn thất về tinh thần là 6.550.000 đồng. Chấp nhận việc gia đình bị cáo đã tự nguyện bồi thường cho anh Lê Văn H số tiền 29.500.000 đồng, còn phải liên đới bồi thường 36.500.500 đồng.

- Đối với anh Hoàng Thanh M và chị Tôn Thị Thu H tổng số tiền bồi thường là 530.800.000 đồng, theo phần mỗi người 265.400.000 đồng, bao gồm: Với anh Hoàng Thanh M tổng số tiền 287.500.000 đồng, các tiền khoản sau: Mất thu nhập là 72.000.000 đồng; công cho người chăm sóc là 72.000.000 đồng; thuốc bồi bổ sức khỏe ngoài hóa đơn: 60.000.000 đồng; tổn thất về tinh thần là 65.500.000 đồng; thiệt hại chiếc xe mô tô biển kiểm soát 49E1-039.85 là 18.000.000 đồng. Với chị Tôn Thị Thu H tổng số tiền 243.300.000 đồng, bao gồm: Thuốc bồi bổ sức khỏe

ngoài hóa đơn: 60.000.000 đồng; mất thu nhập là 72.000.000 đồng; người chăm sóc 72.000.000 đồng; tổn thất về tinh thần là 39.300.000 đồng.

Trừ vào số tiền gia đình bị cáo đã bồi thường cho chị Tôn Thị Thu H và anh Hoàng Thanh M 170.000.000 đồng, bị cáo còn phải liên đới bồi thường cho anh Hoàng Thanh M và chị Tôn Thị Thu H 95.400.000 đồng. Chấp nhận việc thỏa thuận bồi thường giữa bị cáo với anh Hoàng Thanh M và chị Tôn Thị Thu H số tiền 80.000.000 đồng trong quá trình bị tai nạn anh, chị bị mất.

Tách yêu cầu đối với 80.000.000 đồng gia đình bị cáo cho rằng chị Đào Thị L đã bồi thường cho gia đình anh Hoàng Thanh M chị Tôn Thị Thu H nhưng chưa có chứng cứ chứng minh bằng một vụ kiện dân sự khác khi có yêu cầu.

Về cấp dưỡng: Buộc bị cáo Đào Văn T và anh Đinh Bạt H phải liên đới cấp dưỡng cho anh Hoàng Thanh M và chị Tôn Thị Thu H mỗi người 1.500.000đ/tháng. Thời điểm cấp dưỡng từ ngày 25-01-2019 cho đến khi anh M, chị Tôn Thị Thu H chết, cụ thể bị cáo phải cấp dưỡng cho anh Hoàng Thanh M, chị Tôn Thị Thu H mỗi người 750.000đ/tháng và anh Đinh Bạt H phải cấp dưỡng cho anh Hoàng Thanh M, chị Tôn Thị Thu H mỗi người 750.000đ/tháng.

Buộc bị cáo Đào Văn T và anh Đinh Bạt H phải liên đới cấp dưỡng cho con của anh Hoàng Thanh M và chị Tôn Thị Thu H là các cháu: Hoàng Tôn P, sinh ngày 25-9-2004 và cháu Hoàng Hồng A, sinh ngày 23-01-2014, mỗi cháu 1.500.000đ/tháng, cụ thể bị cáo T và anh Đinh Bạt H mỗi người phải cấp dưỡng cho cháu Hoàng Tôn P và Hoàng Hồng A mỗi cháu 750.000đ/tháng. Thời điểm cấp dưỡng từ ngày 26-01-2018 (ngày xảy ra tai nạn) cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

Ngoài ra Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định xử lý vật chứng, án phí và thông báo quyền kháng cáo.

Ngày 30-01-2019, bị cáo Đào Văn T kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và giảm mức bồi thường.

Ngày 30-01-2019, bị hại là anh Hoàng Thanh M và chị Tôn Thị Thu H kháng cáo đề nghị tăng hình phạt đối với bị cáo, tăng bồi thường dân sự và xem xét dấu hiệu bỏ lọt tội phạm đối với Đinh Bạt H và Đào Văn D.

Ngày 11-02-2019, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Đinh Bạt H kháng cáo không đồng ý với quyết định của Tòa án cấp sơ thẩm về trách nhiệm liên đới bồi thường thiệt hại và cấp dưỡng và đề nghị trả lại xe ô tô biển kiểm soát 47P-0188.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Đào Văn T giữ nguyên nội dung kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng thêm Điều 54 của Bộ luật Hình sự; thay đổi nội dung kháng cáo: đề nghị Hội đồng xét xử xem xét số tiền 80.000.000 đồng gia đình bị cáo đã bồi thường cho gia đình anh Hoàng Thanh M và chị Tôn Thị Thu H để trừ vào số tiền bị cáo có nghĩa vụ phải bồi thường, rút nội dung kháng cáo xin giảm bồi thường.

Anh Hoàng Thanh M, chị Tôn Thị Thu H xin rút nội dung kháng cáo tăng hình phạt đối với bị cáo và tăng mức bồi thường; giữ nguyên nội dung xem xét dấu hiệu bỏ lọt tội phạm đối với Đào Văn D và Đinh Bạt H do đã giao xe cho bị cáo.

Anh Đinh Bạt H rút nội dung kháng cáo về việc xem xét nghĩa vụ liên đới bồi thường cho bị hại, thay đổi kháng cáo: Đề nghị giảm mức bồi thường và giữ nguyên nội dung xin được trả lại xe ô tô biển kiểm soát 47P-0188.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông, sau khi phân tích các tình tiết của vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ các điểm a, b khoản 1 Điều 355 của Bộ luật Tố tụng hình sự: Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo; các bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; sửa phần xử lý vật chứng: Tịch thu sung quỹ nhà nước xe ô tô biển kiểm soát 47P-0188.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho các bị hại trình bày: Trong vụ án này trách nhiệm dân sự giữa bị cáo và bị hại có thể thỏa thuận được với nhau. Tuy nhiên, có nhiều người làm chứng xác nhận trước khi Đào Văn T điều khiển xe ô tô biển kiểm soát 47P-0188 thì T là người làm thuê cho Công ty D và thường xuyên điều khiển xe ô tô trên để chở đất cho Công ty D, nhưng các cơ quan tố tụng chưa làm rõ nội dung này là có dấu hiệu bỏ lọt tội phạm đối với Đào Văn D (Giám đốc Công ty D) và Đinh Bạt H là chủ xe. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử hủy bản án sơ thẩm để điều tra lại tránh việc bỏ lọt tội phạm.

Bị cáo, các bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến tranh luận, chỉ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét nội dung kháng cáo đã thay đổi tại phiên tòa phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Bản án hình sự sơ thẩm số: 08/2019/HS-ST ngày 25-01-2019 của Tòa án nhân dân huyện Đắk Song đã kết án bị cáo Đào Văn T về tội “*Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ*” theo quy định tại các điểm a, e khoản 2 Điều 260 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ và đúng pháp luật.

[2]. Xét kháng nội dung kháng cáo của bị cáo, các bị hại và người có quyền lợi liên quan đã được thay đổi, bổ sung tại phiên tòa phúc thẩm:

2.1. Đối với kháng cáo của bị cáo:

2.1.1. Về hình phạt: Bị cáo phạm tội hoàn toàn do lỗi của mình; phạm tội với 02 tình tiết tăng nặng định khung hình phạt quy định tại các điểm a, e khoản 2 Điều 260 của Bộ luật Hình sự; Hội đồng xét xử sơ thẩm Tòa án nhân dân huyện Đắk Song đã xem xét, đánh giá đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ, nhân thân của bị cáo và xử phạt bị cáo 04 năm tù là đã thể hiện sự khoan của pháp luật đối với bị cáo; tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo không cung cấp thêm được tình tiết giảm nhẹ nào khác. Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm không có căn cứ để xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

2.1.2. Đối với kháng cáo về việc xem xét số tiền 80.000.000 đồng gia đình bị cáo đã bồi thường để trừ vào số tiền bị cáo có nghĩa vụ bồi thường cho các bị hại: Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định, trong tổng số tiền 250.000.000 đồng gia đình bị cáo đã bồi thường cho gia đình anh Hoàng Thanh M và chị Tôn Thị Thu H thì anh Hoàng Thanh M và chị Tôn Thị Thu H chỉ thừa nhận số tiền 170.000.000 đồng; số tiền chênh lệch 80.000.000 đồng chị Đào Thị L (người thân của bị cáo) đã đưa cho gia đình các bị hại nhưng không có chứng cứ chứng minh. Do đó, Hội đồng xét xử sơ thẩm đã tách yêu cầu này để giải quyết bằng một vụ án khác theo thủ tục tố tụng dân sự theo quy định của pháp luật. Mặt khác, tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo không cung cấp được chứng cứ để chứng minh đối với số tiền trên, nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận nội dung kháng cáo này của bị cáo.

2.2. Đối với kháng cáo của các bị hại:

2.2.1. Tại phiên tòa phúc thẩm anh Hoàng Thanh M và chị Tôn Thị Thu H xin rút nội dung kháng cáo về việc tăng mức bồi thường và tăng hình phạt đối với bị cáo. Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ khoản 3 Điều 342 của Bộ luật Tố tụng hình sự đình chỉ nội dung kháng cáo này của các bị hại.

2.2.2. Xét kháng cáo về việc bỏ lọt tội phạm: Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy, căn cứ vào diễn biến tại phiên tòa sơ thẩm, phiên tòa phúc thẩm và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra công khai có căn cứ để kết luận: Chiếc xe ô tô biển kiểm soát 47P-0188 thuộc quyền chiếm hữu, sử dụng hợp pháp của anh Đinh Bạt H (anh Đinh Bạt H mua của người khác từ năm 2013 nhưng không thực hiện thủ tục sang tên theo quy định của pháp luật). Trong quá trình sử dụng anh Đinh Bạt H thường chở thuê đất cho Công ty D và tính tiền công trên có sổ sổ chuyển đã chở và thường để xe ô tô tại khu liên hợp thể thao của Công ty D; đồng thời anh Đinh Bạt H có gắn biển hiệu của Công ty D để thuận lợi cho việc chở đất. Tuy nhiên, khoảng 07 giờ ngày 26-01-2018, Đào Văn T đã tự ý điều khiển xe ô tô trên, không có sự việc giao xe hoặc sự đồng ý của ông Đào Văn D và anh Đinh Bạt H. Do vậy, Hội đồng xét xử phúc thẩm không có căn cứ để chấp nhận nội dung kháng cáo này của các bị hại.

2.3. Đối với kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

2.3.1. Xét kháng cáo về việc giảm mức liên đới bồi thường: Tại phiên tòa phúc thẩm anh Đinh Bạt H chỉ đưa ra yêu cầu chung chung, không nêu rõ giảm khoản tiền liên đới bồi thường nào, căn cứ xin giảm. Do vậy, Hội đồng xét xử không có cơ sở để chấp nhận yêu cầu này của anh Đinh Bạt H.

2.3.2. Xét kháng cáo đề nghị trả lại chiếc xe ô tô biển kiểm soát 47P-0188: Biên bản giám định an toàn kỹ thuật số: 1079/SGTVT-VT ngày 29-5-2018 của Sở Giao thông vận tải tỉnh Đ kết luận: Xe ô tô biển kiểm soát 47P-0188, hiệu Hyundai, số khung: KMCDB18YPKU002685, số động cơ: D8AYK029294, sản xuất năm 1989, nơi sản xuất: Hàn Quốc đã hết niên hạn sử dụng từ năm 2014 và không được phép tham gia giao thông. Tuy nhiên, trong quá trình sử dụng anh

Đình Bạt H vẫn thường xuyên lưu hành để chở đất. Ngoài ra, trong khi giải quyết vụ án anh Đình Bạt H không có yêu cầu gì đối với Đào Văn T. Mặt khác, tại điểm b khoản 5 và điểm d khoản 6 Điều 16 của Nghị định số: 16/2016/NĐ-CP ngày 26-5-2016 của Chính phủ quy định như sau:

“5. Phạt tiền từ 4.000.000 đồng đến 6.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:

a) ...

b) Điều khiển xe quá niên hạn sử dụng tham gia giao thông (đối với loại xe có quy định về niên hạn sử dụng);

6. Ngoài việc bị phạt tiền, người điều khiển xe thực hiện hành vi vi phạm còn bị áp dụng các hình thức xử phạt bổ sung sau đây:

a) ...

d) Thực hiện hành vi quy định tại Điểm b, Điểm c Khoản 5 Điều này bị tịch thu phương tiện và bị tước quyền sử dụng Giấy phép lái xe từ 01 tháng đến 03 tháng.”

Như vậy, Hội đồng xét xử sơ thẩm tuyên tịch thu xe ô tô trên là có căn cứ và đúng pháp luật. Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm không có căn cứ để chấp nhận nội dung kháng cáo này của anh Đình Bạt H.

[3]. Hội đồng xét xử phúc thẩm cần sửa lại một số nội dung phần quyết định của bản án sơ thẩm cho đúng quy định của pháp luật.

3.1. Trong vụ án này anh Hoàng Thanh M bị tổn thương cơ thể do thương tích gây ra là 96%, bị liệt hai chi dưới, không có khả năng tự chăm sóc bản thân; chị Tôn Thị Thu H tổn thương do thương tích gây ra là 62%, do bị gãy ngành ngang xương mu hai bên, gãy ụ ngồi hai bên, nứt ổ cối hai bên, gãy xương bả vai phải vận động, hiện tại đi lại hết sức khó khăn, chưa có khả năng lao động và phải có người giúp đỡ trong mọi sinh hoạt. Do đó, Hội đồng xét xử sơ thẩm buộc bị cáo và người có nghĩa vụ liên quan phải bồi thường những chi phí hợp lý và có nghĩa vụ cấp dưỡng hàng tháng đối với bị hại và các con của bị hại chưa đủ 18 tuổi là có căn cứ và đúng pháp luật. Tuy nhiên, thiệt hại của mỗi bị hại khác nhau, số tiền buộc phải bồi thường với mỗi bị hại cũng khác nhau, song Hội đồng xét xử cộng tổng số tiền phải bồi thường của cả hai bị hại để chia làm hai phần buộc bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bồi thường là chưa phù hợp. Đối với khoản tiền 170.000.000 đồng gia đình bị cáo đã bồi thường và khoản tiền 80.000.000 đồng bị cáo tự nguyện thỏa thuận sẽ bồi thường cho các bị hại cần chia đều cho cả hai bị hại là thỏa đáng. Mặt khác, việc quyết định thời điểm chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng chưa đầy đủ, cụ thể thời điểm chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng còn thuộc trường hợp: Người có nghĩa vụ cấp dưỡng chết; đối với chị Tôn Thị Thu H: đến khi chị Tôn Thị Thu H có khả năng tự lao động được để nuôi bản thân. Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm sửa lại phần quyết định đối với nội dung này.

3.2. Về việc xử lý vật chứng: Chiếc xe ô tô biển kiểm soát 47P- 0188 thuộc trường hợp cấm lưu hành, song vẫn còn giá trị về tài sản. Do đó, Hội đồng xét xử sơ thẩm căn cứ điểm c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự quyết

định tịch thu tiêu hủy là chưa phù hợp mà cần căn cứ điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự tịch thu sung vào ngân sách nhà nước.

[4]. Về án phí: Do kháng cáo không được chấp nhận nên bị cáo phải chịu án phí phúc thẩm.

[5]. Đối với các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 342; các điểm a, b khoản 1 Điều 355 của Bộ luật Tố tụng hình sự,

Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Đào Văn T; các bị hại anh Hoàng Thanh M và chị Tôn Thị Thu H; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Đinh Bạt H, giữ nguyên bản án sơ thẩm về phần hình phạt, trách nhiệm bồi thường và cấp dưỡng. Sửa bản án sơ thẩm về phần xử lý vật chứng.

1. Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của các bị hại anh Hoàng Thanh M và chị Tôn Thị Thu H về việc yêu cầu tăng hình phạt và tăng mức bồi thường đối với bị cáo.

2. Áp dụng các điểm a, e khoản 2 Điều 260; các điểm b, s khoản 1 khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Đào Văn T 04 (*Bốn*) năm tù về tội “*Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ*”, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt thi hành án và được trừ thời gian đã tạm giữ, tạm giam từ ngày 30-6-2018 đến ngày 27-9-2018.

3. Về bồi thường thiệt hại: Áp dụng Điều 48 của Bộ luật Hình sự; các Điều 590, 593 và 601 của Bộ luật Dân sự:

3.1. Buộc bị cáo Đào Văn T và anh Đinh Bạt H phải liên đơn bồi thường thiệt hại đối với anh Lê Văn H tổng số tiền 132.001.000đ (*Một trăm ba mươi hai triệu không trăm linh một nghìn đồng*). Chia theo phần Đào Văn T phải bồi thường 66.000.500đ (*Sáu mươi sáu triệu năm trăm đồng*) được trừ vào số tiền 29.500.000đ (*Hai mươi chín triệu năm trăm nghìn đồng*) đã bồi thường, còn phải bồi thường tiếp số tiền 36.500.500đ (*Ba mươi sáu triệu năm năm nghìn năm trăm đồng*); anh Đinh Bạt H phải bồi thường 66.000.500đ (*Sáu mươi sáu triệu năm trăm đồng*).

3.2. Buộc bị cáo Đào Văn T và anh Đinh Bạt H phải liên đơn bồi thường thiệt hại đối các bị hại, cụ thể:

3.2.1. Bồi thường đối với anh Hoàng Thanh M tổng số tiền 287.500.000đ (*Hai trăm tám mươi bảy triệu năm trăm nghìn đồng*), chia theo phần: Đào Văn T phải bồi thường 143.750.000đ (*Một trăm bốn mươi ba triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng*), cộng khoản tiền 40.000.000đ (*Bốn mươi triệu đồng*) bị cáo tự nguyện bồi thường và được trừ số tiền 85.000.000đ (*Tám mươi lăm triệu đồng*) đã

bồi thường, còn phải bồi thường 98.750.000đ (*Chín mươi tám triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng*); anh Đinh Bạt H phải bồi thường 143.750.000đ (*Một trăm bốn mươi ba triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng*).

3.2.2. Bồi thường đối với chị Tôn Thị Thu H tổng số tiền 243.300.000đ (*Hai trăm bốn mươi ba triệu ba trăm nghìn đồng*), chia theo phần: Đào Văn T phải bồi thường 121.650.000đ (*Một trăm hai mươi một triệu sáu trăm năm mươi nghìn đồng*), cộng với khoản tiền 40.000.000đ (*Bốn mươi triệu đồng*) bị cáo tự nguyện bồi thường và được trừ số tiền 85.000.000đ (*Tám mươi lăm triệu đồng*) đã bồi thường, còn phải bồi thường 76.650.000đ (*Bảy mươi sáu triệu sáu trăm năm mươi nghìn đồng*); anh Đinh Bạt H phải bồi thường 121.650.000đ (*Một trăm hai mươi một triệu sáu trăm năm mươi nghìn đồng*).

3.3. Về cấp dưỡng:

3.3.1. Buộc bị cáo Đào Văn T và anh Đinh Bạt H phải liên đới cấp dưỡng đối với anh Hoàng Thanh M và chị Tôn Thị Thu H mỗi người, mỗi tháng là 1.500.000đ (*Một triệu năm trăm nghìn đồng*). Chia theo phần Đào Văn T và anh Đinh Bạt H có nghĩa vụ cấp dưỡng đối với anh Hoàng Thanh M và chị Tôn Thị Thu H mỗi người, mỗi tháng là 750.000đ (*Bảy trăm năm mươi nghìn đồng*); thời điểm cấp dưỡng tính từ ngày 25-01-2019, thời điểm chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng khi người được cấp dưỡng hoặc người có nghĩa vụ cấp dưỡng chết (riêng đối với chị Tôn Thị Thu H cho đến khi có khả năng tự lao động và nuôi được bản thân).

3.3.2. Buộc bị cáo Đào Văn T và anh Đinh Bạt H phải liên đới cấp dưỡng đối với 02 con của anh Hoàng Thanh M và chị Tôn Thị Thu H gồm các cháu: Hoàng Tôn P, sinh ngày 25-9-2004 và Hoàng Hồng Â, sinh ngày 23-01-2014, mỗi cháu 1.500.000đ/tháng (*Một triệu năm trăm nghìn đồng*). Chia theo phần Đào Văn T và anh Đinh Bạt H có nghĩa vụ cấp dưỡng đối với cháu Hoàng Tôn P và cháu Hoàng Hồng Â mỗi cháu, mỗi tháng là 750.000đ (*Bảy trăm năm mươi nghìn đồng*); thời điểm cấp dưỡng tính từ ngày 26-01-2018 cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

4. Về xử lý vật chứng: Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước chiếc xe ô tô biển kiểm soát 47P-0188 (*Có đặc điểm như biên bản giao nhận vật chứng ngày 29-10-2018 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đắk Song*).

5. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; áp dụng điểm b khoản 2 Điều 23 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30

tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Đào Văn T phải nộp 200.000đ (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự phúc thẩm.

6. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

7. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TANDTC (Vụ GDKT);
- VKSND tỉnh Đắk Nông;
- Sở Tư pháp tỉnh Đ;
- Phòng Hồ sơ Công an tỉnh Đ;
- CQTHAHS Công an tỉnh Đ;
- TAND huyện Đắk Song;
- VKSND huyện Đắk Song;
- Chi cục THADS huyện Đ;
- CQCSĐT Công an huyện Đắk Song;
- CQTHAHS Công an huyện Đ;
- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng khác;
- Lưu: Tổ HCTP, HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký và đóng dấu)

Lương Đức Dương